



## **BẢN TIN PHÁP LUẬT**

**Số 24 – Tháng 01 Năm 2025 – Capable Counsel**

### **I. Lĩnh vực thương mại**

#### **1.1. Nghị định 01/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP như sau:

- Bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau: *“Thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo chỉ được ủy thác xuất khẩu hoặc nhận ủy thác xuất khẩu từ thương nhân có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.”*
- Bổ sung điểm h khoản 1 Điều 8 như sau: *“Trường hợp sau 45 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành văn bản đơn đốc thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo mà Bộ Công Thương không nhận được báo cáo của thương nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định này.”*
- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 8.
- Bổ sung khoản 4 Điều 8.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20.
- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 22.
- Bổ sung điểm c khoản 4 Điều 22.
- Sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 22.
- Sửa đổi khoản 3 Điều 24.

Bãi bỏ khoản 6 Điều 24.

Bỏ cụm từ “và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” tại khoản 1 Điều 27.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.



**1.2. Thông tư 03/2025/TT-BTC hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành**

Thông tư này hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý, sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản khi đấu giá các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản).

Đối tượng áp dụng:

- Người có tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, gồm: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và doanh nghiệp đấu giá tài sản.
- Hội đồng đấu giá tài sản được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu) trong trường hợp tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu tự đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi tại điểm c khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản).
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 01 năm 2025.

Thông tư này thay thế Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

Bãi bỏ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Người có tài sản đấu giá thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức đấu giá (bao gồm cả việc thu tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá) theo quy định tại Điều 47 Luật Đấu giá tài sản.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó..

### **1.3. Thông tư 05/2025/TT-BKHĐT hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành**

Thông tư này quy định chi tiết việc xây dựng khu công nghiệp sinh thái và các biểu mẫu có liên quan quy định tại các Điều 2, 36, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44, 53 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (sau đây gọi là Nghị định số 35/2022/NĐ-CP).

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, chứng nhận, thu hồi và chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

## **II. Lĩnh vực thuế, phí, lệ phí**

### **2.1. Quyết định 32/QĐ-TCT về Chương trình khung cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế năm 2025 do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành**

Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khung cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế năm 2025.

Đối tượng cập nhật kiến thức: Nhân viên đại lý thuế; Người đăng ký hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Trường hợp người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong năm 2024 và 2025 đăng ký hành nghề trong thời gian từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 thì không bắt buộc phải cập nhật kiến thức năm 2025.

Thời gian cập nhật kiến thức: Tối thiểu 24 giờ trong một năm.



Chương trình khung này quy định khối lượng kiến thức, thời lượng cập nhật kiến thức cho đối tượng cập nhật kiến thức năm 2025.

Các đơn vị được phép tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế căn cứ chương trình khung cập nhật kiến thức này và tiến độ, kết quả ban hành văn bản pháp luật liên quan đến nội dung cập nhật kiến thức năm 2025 để xây dựng chương trình, tài liệu, kế hoạch tổ chức các lớp cập nhật kiến thức trong năm 2025; Có thể tổ chức một số nội dung của từng phần kiến thức hoặc kết hợp một số nội dung của các phần kiến thức của chương trình nhưng phải quy định rõ số giờ cập nhật kiến thức được tính của từng Phần kiến thức đối với mỗi lớp học.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thủ trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## **2.2. Thông tư 01/2025/TT-BCT quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối, trứng gia cầm do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành**

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2025 được phân giao theo phương thức quy định tại Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Điều 15 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối được phân giao cho thương nhân trực tiếp sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thuốc, sản phẩm y tế và làm nguyên liệu sản xuất hóa chất.

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng trứng gia cầm được phân giao cho thương nhân có nhu cầu nhập khẩu.

Thời điểm bắt đầu phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối làm nguyên liệu sản xuất thuốc và sản phẩm y tế năm 2025 là kể từ khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.



Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 3 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **2.3. Thông tư 06/2025/TT-BTC sửa đổi các Thông tư quy định về phí, lệ phí do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành**

Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.

Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2025.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **2.4. Quyết định 108/QĐ-TCT năm 2025 về Quy trình hoàn thuế thu nhập cá nhân tự động do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành**

Quy trình hoàn thuế thu nhập cá nhân tự động quy định trình tự, thủ tục các bước để cơ quan Thuế thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân của cá nhân



trực tiếp quyết toán thuế có đề nghị hoàn trên tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Quy trình này được áp dụng đối với cơ quan thuế các cấp trên toàn quốc.

Đối với hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế đã tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và trong thời gian ứng dụng CNTT chưa hỗ trợ đầy đủ chức năng đáp ứng xử lý hồ sơ hoàn thuế TNCN theo Quy trình này, cơ quan thuế các cấp tiếp tục xử lý hồ sơ theo hướng dẫn tại Quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 679/QĐ-TCT ngày 31/5/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng cơ quan thuế các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quy trình này thay thế các quy định về xử lý hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế tại Quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 679/QĐ-TCT ngày 31/5/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

### III. Lĩnh vực lao động – tiền lương:

#### 3.1. Thông tư 02/2025/TT-BYT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

Thông tư này không áp dụng đối với các cơ sở y tế tư nhân.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Bãi bỏ Điều 3; cụm từ "điều dưỡng hạng IV, hộ sinh hạng IV, kỹ thuật y hạng IV" tại Điều 7; khoản 4 Điều 8 Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.



Viên chức có trình độ trung cấp đã được tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng IV, hộ sinh hạng IV, kỹ thuật y hạng IV theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phải chuẩn hóa để đạt trình độ cao đẳng đúng chuyên ngành, nhóm ngành đào tạo theo quy định trước ngày 01 tháng 01 năm 2028. Trường hợp viên chức được cử đi học tập để đạt trình độ cao đẳng mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức báo cáo cơ quan, đơn vị quản lý viên chức xem xét bố trí lại công tác khác.

Viên chức có bằng tốt nghiệp cử nhân điều dưỡng chuyên ngành phụ sản, hộ sinh, sản phụ khoa trước ngày 01/01/2024 được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng III được xác định đáp ứng đủ tiêu chuẩn của chức danh hộ sinh hạng III, trường hợp xét thăng hạng lên chức danh hộ sinh hạng II phải đáp ứng quy định về trình độ đào tạo của chức danh nghề nghiệp hộ sinh hạng II quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y theo quy định của pháp luật từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác định là đáp ứng quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ, chuyên môn của chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y tương ứng với chức danh nghề nghiệp đã được bổ nhiệm mà không phải hoàn thiện theo quy định tại Thông tư này.

### **3.2. Thông tư 02/2025/TT-BLĐTBXH quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành**

Thông tư này quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành tại Thông tư 04/2024/TT- BLĐTBXH ngày 06/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội áp dụng đối với đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Kỳ hạn báo cáo là 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2025.

Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Thông tư số 15/2019/TT- BLĐTBXH ngày 18/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hết hiệu lực.

### **3.3. Thông tư 01/2025/TT-BLĐTBXH quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành**

Đối tượng điều chỉnh tiền lương đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP bao gồm:

- Người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi, hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- Người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định, hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Đối tượng điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP là người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc bị chết mà thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này được điều chỉnh theo công thức sau:



$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương tháng} \\ \text{đóng bảo hiểm xã} \\ \text{hội sau điều chỉnh} \\ \text{của từng năm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng tiền lương} \\ \text{tháng đóng bảo} \\ \text{hiểm xã hội của} \\ \text{từng năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức điều chỉnh} \\ \text{tiền lương đã} \\ \text{đóng bảo hiểm xã} \\ \text{hội của năm} \\ \text{tương ứng} \end{array}$$

Thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập tháng} \\ \text{đóng bảo hiểm xã} \\ \text{hội tự nguyện sau} \\ \text{điều chỉnh của} \\ \text{từng năm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng thu nhập} \\ \text{tháng đóng bảo} \\ \text{hiểm xã hội của} \\ \text{từng năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức điều chỉnh thu} \\ \text{nhập tháng đã đóng} \\ \text{bảo hiểm xã hội của} \\ \text{năm tương ứng} \end{array}$$

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2025; các quy định tại Thông tư này áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Thông tư số 20/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

### **3.4. Quyết định 175/QĐ-UBND năm 2025 phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội**

Phê duyệt kèm theo Quyết định này 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội, trong đó: 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết chung của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND cấp huyện; 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Bãi bỏ 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội, trong đó: 01 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết chung của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND cấp huyện; 02 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết chung của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội (01 quy trình).

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1.	Xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động	QT-01

Các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội (02 quy trình).

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-02
2	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-03

### **3.5. Thông tư 01/2025/TT-BNV hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị, gồm: cách xác định thời điểm và tiền lương tháng để tính hưởng chính sách, chế độ; cách tính hưởng chính sách đối với người



nghỉ hưu trước tuổi; cách tính hưởng chính sách thôi việc đối với cán bộ, công chức và cán bộ, công chức cấp xã; cách tính hưởng chính sách thôi việc đối với viên chức, người lao động và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp.

Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người lao động quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền là thời điểm có hiệu lực của văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ban hành về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chính sách, chế độ quy định tại Thông tư này được tính hưởng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.